| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LẠNG GIANG**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2023
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đỗ Thị Mai Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Quốc Đạt

2. Ông Dương Kim Sơn

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1987. HKTT: Tổ dân phố số 1, thị trấn K, huyện L, tỉnh B. Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã N, huyện S, tỉnh V.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế H1, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, thị trấn K, huyện L, tỉnh B.

(Các đương sự đều vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày*: Chị kết hôn với anh Nguyễn Thế H1 vào ngày 22/3/2012 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện L theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị về nhà chồng chung sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Hiền, sinh ngày 03/10/2012. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm nghề bán hàng ăn, thu nhập hàng tháng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định để đảm bảo các điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Thế H1 đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tung là Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh H1 không đến không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị H.*

* Quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành xác minh làm rõ tình trạng hôn nhân của chị H, anh H1; xác minh về nơi cư trú của anh H1 xác định anh H1 thi thoảng về nhà và vẫn có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố số 1, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang.

* Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Thế H1 vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Cho chị H được ly hôn anh H1; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hiền, sinh ngày 03/10/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu; Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

**Về tố tụng:**

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị H làm đơn khởi kiện ly hôn anh Nguyễn Thế H1, yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lạng Giang là nơi bị

đơn cư trú giải quyết là đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1, yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ Điều 51, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

[3] Sự vắng mặt của các đương sự: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H1 đã được Toà án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

**Về nội dung:**

[4]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh H1 đăng ký kết hôn ngày 22/3/2012 tại UBND thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên xác định là hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo chị H trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho tới nay, chị xác định không còn tình cảm với anh H1. Anh H1 được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến, không thể hiện mong muốn vợ chồng được hoà giải đoàn tụ. Mẹ anh H1 là bà Nguyễn Thị Dân xác định sự việc chị H và anh H1 ly thân từ năm 2013. HĐXX thấy, chị H và anh H1 chung sống được hơn 01 năm  thì phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến ly thân suốt một thời gian dài. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị H được ly hôn anh H1.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Hiền, sinh ngày 03/10/2012. Chị H có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn. HĐXX thấy: Năm 2020, anh H1 phải đi chấp hành án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý"; ngày 20/5/2022, anh H1 chấp hành xong hình phạt tù. Theo gia đình cung cấp thì anh H1 thường đi lang thang, nay đi làm thuê chỗ này, mai chỗ khác. Anh H1 đã biết về yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng không đưa ra ý kiến, yêu cầu của mình. Do đó, yêu cầu của chị H đề nghị giao con chung cho chị nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung nên Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị H ly hôn anh Nguyễn Thế H1.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hiền, sinh ngày 03/10/2012, cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh H1 thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005342 ngày 24/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND TT Kép;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Thị Mai Lan**